TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2023/DS-PT
Ngày: 30/5/2023
V/v "Tranh chấp QSD đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Ông Đinh Chí Tâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Ngô Hồng Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2022/TLPT-DS ngày 25/11/2022 về việc *"Tranh chấp dân sự Quyền sử dụng đất";*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022 /QĐPT- DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chùa G.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1951, Trụ trì Chùa G; Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: khóm A, phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Ông Cao Minh T1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: số B, đường P, khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2020.

2. *Bị đơn:* Bùi Thị H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số D, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư Hồ Thị Xuân H1 - Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Nguyễn Quốc L1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số D, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Bùi Văn A, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện ủy quyền của người liên quan Nguyễn Quốc L1, Bùi Văn A là: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964; Địa chỉ: số D, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2018.

(*Có mặt:* Ông T1, bà H và Luật sư Xuân H2; bà L có đơn xin vắng mặt).

* *Người kháng cáo*: Chùa G là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND);
Quyền sử dụng (viết tắt QSD). Quyền sở hữu (viết tắt QSH);

- Nguyên đơn Chùa G, đại diện ủy quyền bà Nguyễn Thị Thu L và ông Cao Minh T1 trình bày:

Diện tích đất Chùa G khoảng 8.450m^2, nguồn gốc đất của ông Phạm Văn L2 hiến tặng cho C vào năm 1923.

Năm 1992, bà Mai Thị N là trụ trì Chùa G đứng ra đăng ký kê khai và được UBND huyện C cấp QSD đất ngày 11/02/1992 cho bà Mai Thị N đứng tên, tổng diện tích 8.450m^2 gồm các thửa:

Thửa số 94a, diện tích 1.200m^2, tờ bản đồ số 1a;

Thửa số 94b, diện tích 1.300m^2, tờ bản đồ số 1a;

Thửa số 12, diện tích 2.450m^2, tờ bản đồ số 01.

Ngày 19/01/2001, UBND huyện C có Quyết định số: 28/2001/QĐ-UB ngày 19/01/2001 về việc thu hồi Giấy QSD đất ngày 11/02/1992 cấp cho bà Mai Thị N tại các thửa đất trên với lý do cấp cho bà Mai Thị N là sai đối tượng.

Đến năm 2008, Chùa G đăng ký kê khai lại thì ngày 24/7/2008 được UBND tỉnh Đ cấp lại QSD cho Chùa G đứng tên với diện tích là 5.259m^2, gồm:

Thửa số 78, diện tích 1.740m^2; Thửa số 79, diện tích 526m^2; Thửa số 5, diện tích 2.992m^2; cùng tờ bản đồ số 04.

Diện tích đất còn lại khoảng 3.191m^2 (gồm các thửa 80, 77 và 02 cùng tờ bản đồ số 04) chưa được cấp QSD đất vì có nhiều hộ dân lấn chiếm, đang ở trên diện tích đất này trong đó có hộ ông Bùi Văn A (hộ bà Bùi Thị H).

Chùa G đóng thuế sử dụng đất đầy đủ đối với các thửa đất số 80, 77, 02 cho đến năm 2013 thì UBND xã T thu thuế.

Đối với phần đất tranh chấp diện tích 125m^2 + 2,9m^2 = 127,9m^2 thuộc thửa 02, tờ bản đồ số 04 hiện nay hộ gia đình ông Bùi Văn A (nay chuyển cho hộ bà Bùi Thị H) đang sử dụng, có nguồn gốc là của Chùa Giác T2 (không tính diện tích đất bà H xây dựng, san lấp thuộc khu vực quy hoạch đường bộ, đường sông) cho ông Nguyễn Văn P (không biết địa chỉ, còn sống hay chết) cất nhà ở nhờ trước năm 1975. Cuối năm 1975, ông P sang nhượng lại nhà, đất cho ông Bùi Văn A (là cha ruột của bà H), thì bà Mai Thị N là S trụ trì Chùa G có xác nhận vào Tờ bán nhà ngày 12/11/1975 là *"đồng ý cho ông Bùi Văn A mua một căn nhà ở trong đất Chùa G để cho con đi học"*.

Năm 2000, Chùa G có khởi kiện, UBND xã T hòa giải tranh chấp đất đai với các hộ dân lấn chiếm đất C (trong đó có hộ ông Bùi Văn A). Ngày 11/02/2000, UBND xã T có mời hai bên đến hòa giải thì đại diện Chùa G yêu cầu các hộ dân tự lấn chiếm đất Chùa G để ở thì phải trả lại đất hoặc phải làm hợp đồng thuê có thời hạn, thì các hộ dân chỉ đồng ý đóng góp tiền cho C cúng kiếng và nộp thuế Nhà nước. Tuy nhiên, hộ gia đình ông Bùi Văn A không tham gia cuộc họp nên không

có ý kiến.

Ngày 27/4/2005, UBND huyện C và UBND xã T có mời các hộ dân trong đó có hộ gia đình ông Bùi Văn A, bà Bùi Thị H và Chùa G đến giải quyết việc chi trả tiền bồi thường đất bị thu hồi giải phóng mặt bằng mở rộng QL 80. Bà Bùi Thị H đại diện hộ gia đình tham gia cuộc họp và có đồng ý chia cho Chùa G nhận ½ số tiền bồi thường thiệt hại diện tích đất bị thu hồi (số tiền nhận bào nhiêu không nhớ).

Nay Chùa G yêu cầu hộ bà H trả phần đất diện tích 127,9m^2, phần nhà kho của bà H xây dựng trên đất tranh chấp Chùa yêu cầu được nhận và trả giá trị cho bà H số tiền 296.147.297 đồng.

Chùa G không yêu cầu gì đối với cụ Bùi Văn A trong mọi trường hợp, kể cả khi Tòa án giải quyết giao cho bà H và anh L1 được sử dụng đất 127,9m^2 thì C cũng không yêu cầu cụ A trả lại giá trị QSD đất.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Chùa G xác định không yêu cầu bà H và anh L1 trả giá trị phần đất tranh chấp 127,9m^2 nếu Tòa án giao cho bà H và anh L1 sử dụng.

- Bị đơn Bùi Thị H, người liên quan Nguyễn Quốc L1, Bùi Văn A (anh L1, cụ A cùng ủy quyền cho bà Bùi Thị H) trình bày:

Phần đất diện tích 127,9m^2 (*không tính diện tích đất bà H xây dựng, san lấp thuộc khu vực quy hoạch đường bộ, đường sông*) đang tranh chấp với Chùa G, hiện gia đình bà H đang sử dụng có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn P xây dựng nhà ở từ trước năm 1975. Vào năm 1975, ông P sang nhượng nhà, đất cho ông Bùi Văn A (là cha của bà H) với giá 400 đồng. Hai bên có lập "Tờ bán nhà" ngày 12/11/1975, có xác nhận của S trụ trì Chùa G lúc đó là cụ Mai Thị N vào ngày 13/11/1975 và chứng nhận của UBND Cách mạng xã T vào ngày 14/11/1975. Sau khi sang nhượng, gia đình cụ Bùi Văn A quản lý sử dụng nhà, đất ổn định, không bị tranh chấp nhưng cụ Bùi Văn A chưa đăng ký kê khai QSD đất.

Khoảng năm 1980, cụ Bùi Văn A xuất gia tu hành nên toàn bộ nhà, đất tặng cho con gái là Bùi Thị H. Năm 2016, bà H phá dỡ nhà ở để xây dựng nhà kho làm nơi kinh doanh vận chuyển gạch ngói. Diện tích xây dựng nhà kho gồm: một phần đất sang nhượng của ông P,

một phần bà H tự san lấp, lấn chiếm khu cực quy hoạch bờ sông S.

Năm 2000, H3 gia đình bà H không biết và không nhận được giấy mời hòa giải tranh chấp đất đai với Chùa G. Năm 2005, Nhà nước có thu hồi đất, giải phóng mặt bằng mở rộng QL 80, thì bên Chùa G có tranh chấp tiền bồi thường phần đất bị thu hồi lúc này hộ bà H có đồng ý chia cho Chùa G ½ số tiền bồi thường đất, số tiền bồi thường gia đình bà H và Chùa G mỗi bên được nhận bao nhiêu bà H không nhớ.

Nay bà Bùi Thị H, anh Nguyễn Quốc L1, ông Bùi Văn A không đồng ý trả đất, giá trị đất theo yêu cầu của Chùa G.

Bà H yêu cầu được công nhận QSD đất diện tích 127,9m^2.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chùa G về tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Bà Bùi Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 127,9m^2 và có nghĩa vụ đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất để xác định lại vị trí, diện tích quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định pháp luật.

(*Vị trí diện tích đất 127,9m^2 xác định bởi các mốc: M7; M8; M9; M10; M 11; M14; M15 và M7 theo Bản đồ trích đo ngày 24/9/2019 và sơ đồ đo đạc ngày 19/4/2018 của Trung tâm K*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chùa G phải chịu là 9.260.940 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 607.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02715 ngày 20/12/2017 và biên lai số 0002892 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Chùa G còn phải nộp tiếp số tiền 8.653.940 đồng.

- Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002890 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.055.846 đồng Chùa G phải chịu (Chùa G đã nộp tạm ứng và chi xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 26/9/2022 Chùa G kháng cáo yêu cầu xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn Chùa G, đại diện ủy quyền ông Cao Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo buộc hộ bà Bùi Thị H trả đất diện tích 127,9m^2; chùa G được sở hữu tài sản là nhà kho trên đất, Chùa G trả giá trị nhà kho cho bà H số tiền 296.147.297đồng; Yêu cầu không buộc Chùa G chịu án phí số tiền 9.260.000đồng.

+ Bị đơn bà Bùi Thị H không đồng ý.

+ Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Chùa G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của C giác T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chùa G kháng cáo yêu cầu hộ bà Bùi Thị H trả đất diện tích 127,9m^2; chùa G được sở hữu nhà kho trên đất, Chùa G trả giá trị nhà kho cho bà H số tiền 296.147.297đồng. Xét thấy:

[1.1] Đất đang tranh chấp diện tích 127,9m^2 thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299 thuộc thửa 09, tờ bản đồ số la). Theo người đại diện ủy quyền của Chùa G là ông Cao Minh T1, bà Nguyễn Thị Thu L cho rằng đất trên có nguồn gốc của Chùa G được ông Phạm Văn L2 hiến cho C vào năm 1923, nhưng không có căn cứ chứng minh. Bởi lẽ, C không chứng minh phần đất được ông Lữ h cho C có diện tích, chiều ngang, chiều dài bao nhiêu và tính từ vị trí nào.

Năm 1992, khi bà Mai Thị N là trụ trì Chùa G đăng ký kê khai và được UBND huyện C cấp QSD đất ngày 11/2/1992 cho cụ Mai Thị N đứng tên, diện tích 8.450m^2 gồm các thửa: thửa đất số 94a (1.200m^2); thửa 94b (3.500m^2) cùng tờ bản đồ số la; thửa 10 (1.300m^2) và thửa 12 (2.450m^2) cùng tờ bản đồ số 01. Như vậy, cụ Mai Thị N không đăng ký, kê khai và cũng không được cấp QSD đất đối với thửa 09, tờ bản đồ số la thuộc diện tích tranh chấp 127,9m^2 nêu trên.

[1.2] Ngày 19/01/2001, UBND huyện C có Quyết định số 28/2001/QĐ - UB thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 11/02/1992 cho bà Mai Thị N vì cấp sai đối tượng đối với các thửa đất trên. Sau đó Chùa G đăng ký lại nên được UBND tỉnh Đ cấp QSD đất ngày 24/7/2008, với diện tích là 5.259m^2 gồm: thửa 78 (1.740m^2), thửa 79 (526m^2), thửa 5 (2.992m^2), cùng tờ bản đồ số 04 cho Chùa G đứng tên. Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất 127,9m^2 cũng không thuộc các thửa đất số 78, 79 và 5 do Chùa G được cấp QSD đất. Tại Công văn số: 33/UBND ngày 25/01/2021 của UBND xã T *(BL 335)* cung cấp: Theo sổ mục kê phần đất đang tranh chấp diện tích đất 127,9m^2 thuộc thửa 09, tờ bản đồ số 1a (CLN) tên chủ sử dụng đất là "Đinh Thị N1" (không thuộc Trụ trì Mai Thị N, hoặc Chùa G); đồng thời hiện nay cũng chưa cấp QSD đất cho ai.

Theo trích lục bản đồ địa chính số: 500/2016/TLBĐ, tháng 12/2016 nội dung: Thửa đất: 2, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.295,3m^2, không thể hiện tên người sử dụng đất. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, người đại diện ủy quyền Chùa giác Tôn cung cấp trích lục bản đồ địa chính số: 516/TL.ĐC ngày 30/01/2018 nội dung thể hiện: Thửa đất 2, tờ bản đồ số 4, Tên người sử dụng đất: Chùa G; mục đích sử dụng đất: TON. Tuy nhiên, công văn số: 650/CNVPĐKĐĐHCT-TTLT ngày 03/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận: "*Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 4 hiện nay theo hồ sơ địa chính chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp QSD đất cho ai*".

Cũng theo trích lục bản đồ địa chính số: 500/2016/TLBĐ và số 516/TL.ĐC ngày 30/01/2018: Thửa đất 2, tờ bản đồ số 4 Chi nhánh căn cứ vào bản đồ được phê duyệt ngày 12/12/2006 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ để Trích lục nhằm xác định vị trí

thửa đất đang tranh chấp cung cấp cho Tòa án làm cơ sở giải quyết. Còn các nội dung khác trích lục như: Chủ sử dụng, mục đích sử dụng đất ....là chưa có cơ sở pháp lý, do đất đang tranh chấp. Từ đó, có căn cứ xác định đất đang tranh chấp không thuộc QSD của Chùa G.

[1.3] Xét thấy, diện tích đất tranh chấp hiện hộ Bùi Thị H đang ở trên đất từ năm 1975, nguồn gốc căn nhà lúc đầu do cha bà là cụ Bùi Văn A mua của ông Nguyễn Văn P. Theo "Tờ bán nhà" ngày 12/11/1975 (*BL 108*) bà Mai Thị N trụ trì Chùa G xác nhận "... *đồng ý cho Bùi Văn A mua một căn nhà ở trong đất C để cho con ở đi học*". Đây là lời xác nhận tự ý của bà Mai Thị N, không thể hiện việc thừa nhận của người bán ông Nguyễn Văn P, cũng như của người mua ông Bùi Văn A về nguồn gốc đất. Đồng thời, năm 2005 khi Nhà nước mở rộng QL 80 đã thu hồi 01 phần đất mà hộ bà H đang sử dụng thì tiền bồi thường đều do C giác T2 và bên bà H mỗi bên được nhận một phần mà không hoàn toàn thuộc QSD, QSH của C.

[1.4] Quá trình sử dụng đất, thời gian từ năm 1975 đến nay nhiều lần bên cụ Bùi Văn A xây nhà, bà H sữa nhà xây nhà kho kiên cố để kinh doanh liên tục, ổn định. Theo sổ mục kê phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 09, tờ bản đồ số 1a (CLN) tên chủ sử dụng đất là "*Đinh Thị N1*" nhưng các con bà N1 xác nhận đất tranh chấp từ trước nay bà N1 không sử dụng và các con bà N1 hiện cũng không tranh chấp; Do vậy, Tòa sơ thẩm giao hộ bà H tiếp tục sử dụng đất là phù hợp.

Từ đó, không chấp nhận kháng cáo của Chùa G yêu cầu hộ bà H trả đất, giao nhà kho của bà H cho C và Chùa G trả giá trị cho bà Bùi Thị H.

[2] Chùa G kháng cáo không đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy, C giác Tôn tranh chấp QSD đất với hộ bà Bùi Thị H, yêu cầu của C không được chấp nhận nên C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chùa G không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 11, 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, không

chấp nhận kháng cáo của Chùa G về nội dung này.

[3] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Chùa G phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Chùa G; đề nghị này là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Chùa G, giữ nguyên án sơ thẩm; đề nghị này có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, 313 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chùa G;

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chùa G về tranh chấp quyền sử dụng đất;

2. Bà Bùi Thị H được quyền sử dụng đất diện tích 127,9m^2 thuộc thửa 02, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299 thì thuộc thửa 09, tờ bản đồ số la) theo phạm vi các mốc: M7 - M8 - M9 - M10 – M11 - M14 – M15 - M7 (đất chưa được cấp QSD); đất tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm biên bàn xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2020 và Bản đồ trích đo ngày 24/9/2019 và sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 19/4/2018 của Trung tâm K).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai QSD đất theo quy định pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chùa G phải chịu là 9.260.940 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 607.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02715 ngày 20/12/2017 và biên lai số 0002892 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Chùa G còn phải nộp tiếp số tiền 8.653.940 đồng.

- Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002890 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.055.846 đồng: Chùa G phải chịu (Chùa G đã nộp tạm ứng và chi xong).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Chùa giác T2 phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013376 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh T3 **Đinh Chí Tâm** **Nguyễn Thị V**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.